TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HSPT
Ngày 13 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ

Bà Trần Ngọc Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2018/HSPT ngày 25 tháng 10 năm 2018 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Vưu Bảo G**, sinh năm 1983; Nơi sinh: Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Vưu Hồng K và bà Diệp Thị L; vợ Trần Mỹ X; có 01 người con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tại Bản án số 35/2016/HSST ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Cà Mau xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đối với hành vi phạm tội thực hiện ngày 28/9/2016, đã chấp hành án xong; Bản án số 21/2018/HSST, ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Cà Mau xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đối với hành vi phạm tội thực hiện ngày 30/9/2016. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2018 cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Trương Văn D**, sinh năm: 1976; Nơi sinh: Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Trương Văn T và bà Ngô Thị B; Vợ là Hồ Thị D; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị

bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2017 đến ngày 28/10/2017 khởi tố bị can và tạm giam đến nay, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn D:* Ông Nguyễn Duy Sơn, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Kao Kiến, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có những bị hại: Trần Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Chòi M, xã An P, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Trần Văn H, sinh năm 1968; Huỳnh Văn T, sinh năm 1973; La Chí T, sinh năm 1982; Trần Văn Q, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Ấp Cái Keo, xã An P, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Lý Văn T, sinh năm 1973; Diệp Tuấn V, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: Ấp Phan M, xã Định T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Tăng Nhựt T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp Kinh X, xã Định T A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Bùi Quốc N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp T T, xã Đông T, huyện An M, tỉnh Kiên Giang (ủy Q cho ông Tăng Nhựt T); Trần Văn K, sinh năm 1968; Hồ Văn M, sinh năm 1970; Lê Văn T, sinh năm 1980; Nguyễn Kim N, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: Ấp Lung C, xã Định T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Hồ Minh T, sinh năm 1982; Mã Văn U, sinh năm 1962; Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: Ấp Lung X, xã Định T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Hồng Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Cây T, xã Định T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Tô Minh H, sinh năm 1954; Trần Văn C, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: Ấp Chòi M, xã Định T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Phạm Ngọc N, sinh năm 1979; Đào Văn U, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Đ, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; Lâm Hải Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khóm 4, Phường 1, thị trấn Đầm D, tỉnh Cà Mau; Huỳnh Chí T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp Tân T B, xã Tạ An Khương N, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; Mã Quốc N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Tân L A, xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; Huỳnh Văn K, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Tân Hiệp L A, xã Tân Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; Nguyễn Chí N, sinh năm 1979; Trần Văn Q, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Ấp Tân L A, xã Tân T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; Hồ Út N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Tân A B, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; Lê Hoàng D, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp Xóm M, xã Tạ An Khương Đ, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 7 năm 2016, bị cáo Vưu Bảo G và bị cáo Trương Văn D dùng hai vỏ, máy của mình nhiều lần cùng thực hiện hành vi lén lúc lấy trộm tài sản của nhiều người trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Trong đó bị cáo Vưu Bảo G thực hiện 19 vụ, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm của 19 bị hại là 223.943.304 đồng, bị cáo Trương Văn D thực hiện 16 vụ, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm của 16 bị hại là 187.928.704 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Vưu Bảo G và Trương Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vưu Bảo G 04 (bốn) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp Bản án số 21/2018/BA-TA, ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Cà Mau tuyên phạt bị cáo 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Văn D 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vưu Bảo G và Trương Văn D mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 4.037.000đ; ông Phan Văn C số tiền 3.180.500đ, ông Trần Văn K số tiền 3.639.870đ; ông La Chí T số tiền 9.156.370đ; ông Đoàn Hoàng D số tiền 6.768.630đ; ông Hồng Văn T số tiền 1.300.000đ, Trần Văn Q số tiền 14.850.000đ; ông Tô Văn S số tiền 600.000đ; ông Nguyễn Văn C số tiền 720.000đ; ông Mã Văn U số tiền 1.836.730đ; ông Huỳnh Việt K số tiền 5.000.000đ và ông Nguyễn Văn T số tiền 6.000.000đ.

Buộc bị cáo Vưu Bảo G có trách nhiệm bồi thường cho ông Tăng Nhựt T số tiền 6.776.900đ; ông Hồ Minh T số tiền 3.000.000đ và ông Nguyễn Kim N số tiền 6.069.800đ.

Buộc bị cáo Trương Văn D bồi thường cho ông Bùi Quốc N số tiền 11.400.000đ và ông Tăng Nhựt T số tiền 720.000đ.

Mỗi bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, nên các bị hại được nhận số tiền cụ thể tại Chi cục thi hành án huyện Đ như sau: Ông Trần Văn H nhận số tiền 1.136.000đ; ông Bùi Quốc N được nhận số tiền 1.576.000đ; ông Tăng Nhựt T được nhận số tiền 1.000.000đ; ông Phan Văn C nhận số tiền 894.000đ; ông Trần Văn K nhận số tiền 1.024.000đ, ông La Chí T nhận số tiền 2.576.000đ; ông Hồ Minh T nhận số tiền 422.000đ; ông Đoàn Hoàng D nhận số tiền 1.904.000đ; ông Hồng Văn T nhận số tiền 364.000đ; ông Trần Văn Q nhận số tiền 4.178.000đ; ông Tô Văn S nhận số tiền 168.000đ; ông Nguyễn Văn C nhận số tiền 202.000đ; ông Mã Văn U nhận số tiền 516.000đ; ông Huỳnh Việt K nhận số tiền 1.406.000đ; ông Nguyễn Văn T nhận số tiền 1.688.000đ; ông Nguyễn Kim N nhận số tiền 854.000đ. Số tiền còn lại buộc các bị cáo tiếp tục thi hành.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự có giá ngạch, buộc bị cáo Vưu Bảo G phải nộp số tiền 3.646.790đ; Bị cáo Trương Văn D phải nộp số tiền 3.460.455đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết định khung đối với bị cáo Trương Văn D phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 173 và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức đối với bị cáo Vưu Bảo G theo điểm a khoản 1 Đều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử lý số tiền 92.000đ của hai bị cáo nộp khắc phục còn thừa, không tính phần án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 10.000.000đ mỗi bị cáo đã nộp khắc phục; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vưu Bảo G.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng, áp dụng tình tiết tăng nặng *"phạm tội có tổ chức"*, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tăng mức hình phạt đối với bị cáo Vưu Bảo G từ 06 đến 09 tháng tù, áp dụng tình tiết định khung tăng nặng *"có tổ chức"*, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trương Văn D từ 06 đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, tiếp tục đối trừ số tiền 92.000đ của các bị cáo nộp khắc phục mà cấp sơ thẩm trừ còn thừa vào số tiền bồi thường thiệt hại cho các bị hại, sửa phần án phí không buộc các bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 20.000.000đ mà các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn D phát biểu: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cấp sơ thẩm không chứng minh được hành vi phạm tội của các bị cáo có tổ chức chặt chẽ, các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện hành vi phạm tội, mà hành vi của các bị cáo chỉ là tự phát, gặp nhau rủ nhau đi lấy trộm tài sản bán để có tiền chi xài cho nhu cầu cá nhân, giữa hai bị cáo khi gặp tài sản của chủ sở hữu để sơ hở thì cùng nhau thực hiện hành vi lấy trộm. Theo diện dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là căn cứ vào Nghị quyết số 02/1988/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để xác định hành vi của các bị cáo là phạm tội có tổ chức là chưa phù hợp, vì Nghị quyết số 02/1988/HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao chỉ hướng dẫn cho một điều luật

cụ thể của Bộ luật Hình sự năm 1985, nhưng bộ luật này hiện nay đã không còn hiệu lực. Do không chứng minh được các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ từ khi phát hiện tài sản đến khi bán tài sản, không có người tổ chức, nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng và tình tiết định khung hình phạt như kháng nghị của Viện kiểm sát, các phần kháng nghị về trách nhiệm dân sự và án phí, Luật sư thống nhất theo kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo D, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm phần án phí dân sự sơ thẩm và trách nhiệm dân sự theo kháng nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vưu Bảo G và Trương Văn D đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vì mục đích muốn có tiền chi xài cho nhu cầu cá nhân, nhưng lười lao động, nên các bị cáo bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi lấy tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 7 năm 2016, bị cáo G và bị cáo D nhiều lần cùng thực hiện hành vi lén lúc lấy trộm tài sản của nhiều người dân trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Trong đó, bị cáo G thực hiện 19 vụ với tổng giá trị tài sản qua định giá số tiền 223.943.304đ, bị cáo D thực hiện cùng với bị cáo G 16 vụ với tổng giá trị tài sản qua định giá số tiền 187.928.704đ.

Do đó, việc truy tố, xét xử bị cáo Vưu Bảo G về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 và truy tố, xét xử bị cáo D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không truy tố, xét xử oan các bị cáo.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố không thể hiện trước, trong và sau khi thực hiện hành vi lén lúc lấy trộm tài sản của các bị hại, các bị cáo có bàn bạc, thống nhất phương thức thực hiện và không có sự cấu kết chặt chẽ trong từng thời điểm, giai đoạn thực hiện hành vi, nên cáo trạng số 15/CT-VKS-KSĐT ngày 21/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào giá trị tài sản do các bị cáo lấy trộm để làm căn cứ định khung truy tố các bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Theo nội dung quyết định kháng nghị cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên căn cứ điểm b, tiểu mục 3, mục I của Nghị quyết 02/1988/NQ-HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là có tổ chức. Hội đồng xét xử xét thấy,

Nghị quyết 02/1988/NQ-HĐTP ngày 16/11/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn cho khoản 3 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 1985 phạm tội có tổ chức. Tuy Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 1985 hiện nay đã không còn hiệu lực, nhưng nội dung Nghị quyết nêu khái niệm *"phạm tội có tổ chức"*, nên việc áp dụng nội dung của Nghị quyết 02/1988/NQ-HĐTP ngày 16/11/1988 để xem xét hành vi phạm tội của các bị cáo là phù hợp.

Theo đó, phạm tội có tổ chức là phải có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, phải có người chỉ huy, cầm đầu, hoặc cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước, được tính toán kỹ càng, chu đáo. Trong vụ án này không chứng minh được trong hai bị cáo ai là người chỉ huy, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, các bị cáo thực hành vi lấy trộm tài sản là tự phát, không theo một kế hoạch nào được chuẩn bị thống nhất từ trước, mặc dù hai bị cáo đã cùng nhau thực hiện nhiều lần lấy trộm tài sản, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ và những lần thực hiện không theo một kế hoạch đã thống nhất từ trước. Nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo có tổ chức. Do đó, lời bào chữa của Luật sư là có căn cứ, phù hợp pháp luật được chấp nhận, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng thêm tình tiết tăng nặng và tình tiết định khung hình phạt, tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền chi xài cho nhu cầu cá nhân, nhưng lười lao động mà các bị cáo bất chấp pháp luật, trực tiếp xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nên hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang cho những người đang quản lý tài sản hợp pháp của mình, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về phần trách nhiệm dân sự và án phí. Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên lai thu tiền số 004151 ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thể hiện bị cáo G nộp khắc phục số tiền 10.000.000đ do bà Trần Mỹ X là vợ bị cáo nộp khắc phục thay bị cáo; theo biên lai thu số 004107 ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thể hiện bị cáo D nộp khắc phục số tiền 10.000.000đ do bà Hồ Thị D là vợ bị cáo nộp thay. Tuy nhiên, theo việc phân chia số tiền các bị cáo nộp khắc phục của cấp sơ thẩm thể hiện, cấp sơ thẩm trừ số tiền 10.000.000đ của mỗi bị cáo còn thừa 46.000đ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục đối trừ số tiền 46.000đ của mỗi bị cáo cho các bị hại là có căn cứ. Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm khi tính án phí dân sự sơ thẩm của số tiền mà các bị cáo có trách nhiệm giao trả cho các bị hại, nhưng không trừ số tiền

10.000.000đ của mỗi bị cáo nộp khắc phục là chưa đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án quy định: "Trường hợp bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa thì không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp". Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc bị cáo Vưu Bảo G có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 72.935.800đ và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.646.790đ; buộc bị cáo Trương Văn D bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 69.209.100đ và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.460.455 đồng là chưa đúng quy định. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, cần sửa phần này của án sơ thẩm.

Cụ thể, số tiền 10.000.000đ mỗi bị cáo nộp khắc phục được chia cho các bị hại nhận số tiền cụ thể: Ông Trần Văn H nhận số tiền 1.141.750 đồng; ông Bùi Quốc N nhận số tiền 1.581.750 đồng; ông Tăng Nhựt T nhận số tiền 1.005.750 đồng; ông Phan Văn C nhận số tiền 899.750 đồng; ông Trần Văn K nhận số tiền 1.029.750 đồng; ông La Chí T nhận số tiền 2.581.750 đồng; ông Hồ Minh T nhận số tiền 427.750 đồng; ông Đoàn Hoàng D nhận số tiền 1.909.750 đồng; ông Hồng Văn T nhận số tiền 369.750 đồng; ông Trần Văn Q nhận số tiền 4.183.750 đồng; ông Tô Văn S nhận số tiền 173.750 đồng; ông Nguyễn Văn C nhận số tiền 207.750 đồng; ông Mã Văn U nhận số tiền 521.750 đồng; ông Huỳnh Việt K nhận số tiền 1.411.750 đồng; ông Nguyễn Văn T nhận số tiền 1.693.750 đồng; ông Nguyễn Kim N nhận số tiền 859.750 đồng. Số tiền còn lại buộc các bị cáo tiếp tục thi hành.

[5] Đối với việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, "phạm tội nhiều lần" đối với các bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ để truy tố, xét xử các bị cáo là tổng giá trị tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, mặc dù mỗi lần các bị cáo thực hiện hành vi trộm đủ định lượng để truy tố, nhưng trong mỗi lần thực hiện hành vi trộm không có tài sản nào có giá trị được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 đối với bị cáo G, và không có tài sản nào có giá trị được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 đối với bị cáo D. Do đó, khi đã tổng tất cả giá trị tài sản trộm do các bị cáo thực hiện để làm căn cứ định khung hình phạt với các bị cáo, nhưng lại áp dụng thêm tình tiết phạm tội nhiều lần đối với các bị cáo là chưa phù hợp pháp luật. Mặc dù, phần này các bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nhưng xét thấy cấp sơ áp dụng tình tiết tăng nặng này chưa phù hợp, nên cần sửa phần này của án sơ thẩm. Tuy không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhưng mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nên cần giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54; Điều 56 mà không áp dụng khoản nào của điều luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự

năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án nhưng không áp dụng khoản nào của Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là thiếu sót, việc thiếu sót này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo, nên cần sửa phần này của án sơ thẩm theo kháng nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Các bị cáo không có kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về điều luật, trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2. Tuyên bố các bị cáo Vưu Bảo G và Trương Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vưu Bảo G 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/4/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/BA-TA ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau xử phạt bị cáo 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Hình phạt chung của hai bản án mà bị cáo phải chấp hành là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/4/2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Văn D 02 (hai) năm, 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/10/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Vưu Bảo G và Trương Văn D mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn H 4.037.000 đồng; ông Phan Văn C 3.180.500 đồng; ông Trần Văn K 3.639.870 đồng; ông La Chí T 9.156.370 đồng; ông Đoàn Hoàng Diễn 6.768.630 đồng; ông Hồng Văn T 1.300.000 đồng; Trần Văn Q 14.850.000 đồng; ông Tô Văn S 600.000 đồng; ông Nguyễn Văn C 720.000 đồng; ông Mã Văn U 1.836.730 đồng; ông Huỳnh Việt K 5.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T 6.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Vưu Bảo G có trách nhiệm bồi thường cho ông Tăng Nhựt T số tiền 6.776.900 đồng; ông Hồ Minh T 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Kim N 6.069.800 đồng.

- Buộc bị cáo Trương Văn D có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Quốc N số tiền 11.400.000 đồng và ông Tăng Nhựt T số tiền 720.000 đồng.

- Các bị hại được nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, số tiền cụ thể như sau: Ông Trần Văn H nhận số tiền 1.141.750 đồng; ông Bùi Quốc N nhận số tiền 1.581.750 đồng; ông Tăng Nhựt T nhận số tiền 1.005.750 đồng; ông Phan Văn C nhận số tiền 899.750 đồng; ông Trần Văn K nhận số tiền 1.029.750 đồng; ông La Chí T nhận số tiền 2.581.750 đồng; ông Hồ Minh T nhận số tiền 427.750 đồng; ông Đoàn Hoàng D nhận số tiền 1.909.750 đồng; ông Hồng Văn T nhận số tiền 369.750 đồng; ông Trần Văn Q nhận số tiền 4.183.750 đồng; ông Tô Văn S nhận số tiền 173.750 đồng; ông Nguyễn Văn C nhận số tiền 207.750 đồng; ông Mã Văn U nhận số tiền 521.750 đồng; ông Huỳnh Việt K nhận số tiền 1.411.750 đồng; ông Nguyễn Văn T nhận số tiền 1.693.750 đồng; ông Nguyễn Kim N nhận số tiền 859.750 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc các bị cáo Vưu Bảo G phải nộp số tiền 3.146.790đ (ba triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm chín mươi đồng), buộc bị cáo Trương Văn D phải nộp số tiền 2.960.455đ (hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng). Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND huyện Đ (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện Đ (02b);
- CQĐT huyện Đ (01b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Chi cục THADS huyện Đ (01b);
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (02b);
- Luật sư (01b);
- Lưu:HS, THS, THCTP;

Bùi Anh Tuấn